TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 38/2025/HNGĐ-ST Ngày: 31-3-2025 V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C- TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Hồng Điệp.

2. Bà Hồ Thị Đoan Vân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Trần Tấn Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Thiên N, sinh năm 2002; Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn A, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số I, Tổ A, Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 05 tháng 02 năm 2025 và tờ tự khai ngày 11/3/2025 của nguyên đơn bà Lê Thị Thiên N trình bày: Bà và ông Nguyễn Tấn A cưới nhau năm 2023 và thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 63/2022, ngày 30/9/2022. Thời gian đầu sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng tháng 6/2024 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông A ăn chơi, không đi làm để chăm lo cho cuộc sống vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, bà có góp ý mong ông A thay đổi nhưng ông A không sửa đổi. Từ tháng 12/2023 bà về nhà mẹ ruột ở Bạc Liêu sống và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, trong thời gian ly thân thì vợ chồng cũng không còn quan tâm lẫn nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể

hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Tấn A.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Tấn A có 01 con chung tên Nguyễn Lê Nhật H, sinh ngày 26/01/2024. Hiện tại con chung đang sống với bà. Khi ly hôn, bà N yêu cầu tiếp tục nuôi con chung. Trong đơn khởi kiện bà có yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con nhưng sau đó thay đổi ý kiến bà tự nguyện không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung bà xác định không có.

Bà N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn A *trình bày tại Tờ tự khai ngày 21/3/2025 như sau:* Vợ chồng cưới nhau năm 2022 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp, bất đồng ý kiến, dẫn đến hôn nhân không có hạnh phúc. Tháng 12/2023 bà N về nhà mẹ ruột sống cho đến nay. Ông cũng thấy vợ chồng không còn tình cảm, bà N nộp đơn ly hôn tại Tòa án thì ông cũng đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Lê Nhật H, sinh ngày 26/01/2024. Hiện tại con chung đang sống với bà N. Khi ly hôn, ông đồng ý để bà N tiếp tục nuôi con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung không có.

Ông Nguyễn Tấn A có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Lê Thị Thiên N và ông Nguyễn Tấn A có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 63/2022, ngày 30/9/2022 nên hôn nhân là hợp pháp.

[1.2] Ông Nguyễn Tấn A là bị đơn, hiện nay có hộ khẩu thường trú tại xã L, huyện C nên khi bà N có đơn khởi kiện ly hôn, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[1.3] Nguyên đơn bà Lê Thị Thiên N và bị đơn ông Nguyễn Tấn A vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 207, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thiên N:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông A, theo bà N nguyên nhân mâu thuẫn do ông A ăn chơi, không chịu làm ăn để chăm lo cho cuộc sống vợ con, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vả. Vợ chồng ly thân từ tháng 12/2023 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn

nhau. Đối với ông A thì cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn do không hợp, bất đồng ý kiến, dẫn đến hôn nhân không có hạnh phúc nay ông A nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông A cũng đồng ý ly hôn với bà N. Qua đó, có đủ cơ sở xác định mục đích hôn nhân giữa bà N và ông A không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Thiên N là có căn cứ được chấp nhận.

[2.2] Về con chung trong quá trình chung sống bà N và ông A có 01 con chung tên Nguyễn Lê Nhật H, sinh ngày 26/01/2024, hiện nay đang sống với bà N. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Ông A cũng đồng ý, không có ý kiến. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay con đang sống với bà N cuộc sống ổn định do đó để bảo đảm điều kiện phát triển ổn định của con chung nên cần giao cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Bà N không yêu cầu ông A phải cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời ông A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung bà N và ông A xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Thiên N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền, thời hạn kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị Thiên N đối với bị đơn ông Nguyễn Tấn A.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thiên N được ly hôn với ông Nguyễn Tấn A.

Về nuôi con chung: Giao cho bà Lê Thị Thiên N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên Nguyễn Lê Nhật H, sinh ngày 26/01/2024. Tạm thời ghi nhận ông Nguyễn Tấn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Thiên N phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0018258 ngày 24/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An, bà N đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Thiên N; ông Nguyễn Tấn A vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định của Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Cơ quan nơi đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Như Quyền

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như Quyền